

ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ CỦA ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH ĐỐI VỚI TÁC DỤNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TẬP KỸ THUẬT MÔN CHUYÊN VÀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phan Ngọc Huy

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm mục đích đánh giá vai trò của việc tăng cường đánh giá quá trình trong chương trình giảng dạy môn Bóng chuyền 1 đối với việc nâng cao hiệu quả học tập kỹ thuật và cải thiện thái độ học tập của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh. Các phương pháp nghiên cứu bao gồm phân tích tài liệu, khảo sát ý kiến giảng viên, quan sát sự phạm, kiểm tra sự phạm và toán học thống kê được áp dụng cho 80 sinh viên học môn Bóng chuyền 1 tại đơn vị nghiên cứu. Kết quả cho thấy, việc tăng cường đánh giá quá trình thông qua kiểm tra kỹ thuật định kỳ và phản hồi liên tục đã giúp sinh viên nhóm thực nghiệm đạt được sự tiến bộ vượt trội về các kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, di chuyển ngang và đệm bóng so với nhóm đối chứng. Đồng thời, thái độ học tập của sinh viên nhóm thực nghiệm cũng được cải thiện đáng kể về sự tự giác, hứng thú và tích cực tham gia. Nghiên cứu khẳng định tầm quan trọng của đánh giá quá trình trong việc định hướng, điều chỉnh và thúc đẩy hoạt động học tập, và đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng kiểm tra đánh giá trong công tác Giáo dục Thể chất tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh nói chung và tương đương.

Từ khóa: Đánh giá quá trình, Bóng chuyền, sinh viên, Giáo dục thể chất.

EVALUATING THE ROLE OF FORMATIVE ASSESSMENT IN ENHANCING VOLLEYBALL TECHNICAL LEARNING EFFECTIVENESS AND LEARNING ATTITUDES OF STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF BANKING HO CHI MINH CITY

Phan Ngọc Huy

Ho Chi Minh City University of Banking

Abstract: This study aimed to evaluate the role of enhancing formative assessment within the Volleyball 1 curriculum in improving technical learning effectiveness and fostering better learning attitudes among students at the University of Banking Ho Chi Minh City. Research methods included document analysis, lecturer surveys, pedagogical observation, pedagogical testing, and statistical analysis, applied to 80 students enrolled in the Volleyball 1 course at the research institution. Results indicated that intensified formative assessment, through periodic technical evaluations and continuous feedback, led to significantly superior progress in low-hand passing, lateral movement, and volleying techniques for students in the experimental group compared to the control group. Simultaneously, the learning attitudes of students in the experimental group also showed remarkable improvement in terms of self-discipline, interest, and active participation. The study affirms the importance of formative assessment in guiding, adjusting, and motivating learning activities, and proposes solutions to enhance the quality of assessment in Physical Education at the University of Banking Ho Chi Minh City and similar institutions.

Keywords: Formative assessment, Volleyball, students, Physical Education.

Nhận bài: 16/05/2025

Phản biện: 13/06/2025

Duyệt đăng: 17/06/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục thể chất (GDTC) là một cấu phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo đại học, góp phần quan trọng vào việc phát triển toàn diện nhân cách của sinh viên (SV). Bên cạnh việc nâng cao thể lực và sức khỏe, GDTC còn trang bị cho SV những kỹ năng vận động cơ bản, phát triển phẩm chất ý chí, tinh thần kỷ luật và khả năng làm việc nhóm. Môn Bóng chuyền (BC), với tính chất đối kháng tập thể cao, không chỉ giúp SV rèn luyện các tố chất thể lực chuyên biệt như sức bật, sức nhanh, sức mạnh bùng nổ, mà còn đòi hỏi sự khéo léo, phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên, cùng với khả năng quan sát, phán đoán và ra quyết định nhanh chóng.

Để tối ưu hóa hiệu quả của quá trình giảng dạy và học tập trong GDTC, công tác kiểm tra đánh giá (KTĐG) đóng vai trò then chốt. KTĐG không chỉ đơn thuần là việc đo lường kết quả cuối cùng mà còn là một quá trình liên tục cung cấp thông tin phản hồi cho cả GV và SV, từ đó giúp điều chỉnh phương pháp dạy và chiến lược học tập. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, xu hướng chuyển dịch từ đánh giá nặng về kết quả sang đánh giá vì sự học đang ngày càng được chú trọng, trong đó, đánh giá quá trình trở thành một công cụ mạnh mẽ để thúc đẩy sự tiến bộ của SV.

Thực trạng công tác KTĐG môn GDTC tại các trường đại học ở Việt Nam, bao gồm cả môn BC,

vẫn còn một số hạn chế. Phần lớn các hình thức đánh giá vẫn tập trung vào đánh giá tổng kết như thi giữa kỳ hoặc cuối kỳ, với các bài kiểm tra kỹ thuật hoặc thể lực mang tính chất quyết định điểm số cuối cùng. Mặc dù điều này giúp đánh giá được năng lực hoàn thành mục tiêu học phần, nhưng lại bỏ qua quá trình rèn luyện, sự tiến bộ hàng ngày và đặc biệt là thái độ, sự nỗ lực của SV. Hậu quả là SV thường có xu hướng học “đổi phó”, chỉ tập trung luyện tập khi gần đến thời điểm thi, thiếu động lực tự thân và sự hứng thú bền vững với môn học.

Đề cương môn học GDTC3-Bóng chuyền (BC) 1 của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh đã thể hiện những bước đi tích cực trong việc định hướng đa dạng hóa các phương tiện đánh giá. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định này vào thực tiễn giảng dạy và mức độ hiệu quả của chúng cần được nghiên cứu và đánh giá một cách khoa học. Trước bối cảnh đó, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu đánh giá vai trò và hiệu quả của việc tăng cường đánh giá quá trình trong chương trình giảng dạy môn BC1 đối với việc nâng cao kỹ năng thực hành và thái độ học tập của SV. Từ đó, nghiên cứu sẽ đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác KTĐG môn học này, góp phần nâng cao chất lượng GDTC.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học TĐTT và GDTC thường quy, tin cậy gồm: Phân tích và tổng hợp tài liệu, khảo sát bằng phiếu hỏi (phỏng vấn chuyên gia), quan sát sư phạm, thực nghiệm sư phạm (80 SV nam học môn BC1 tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, được chia thành nhóm thực nghiệm (NTN): 40 SV và nhóm đối chứng (NĐC): 40 SV), kiểm tra sư phạm (kiểm tra 2 lần, lần 1- đầu kỳ và lần 2- cuối kỳ; toàn bộ 80 SV thực hiện lại các test tương tự. Quy trình kiểm tra được chuẩn hóa để đảm bảo tính khách quan và chính xác), toán học thống kê (nghiên cứu sử dụng SPSS 22.0).

2.2. Thực trạng công tác KTĐG môn Bóng chuyền 1 theo góc tiếp cận của các GV

Để hiểu rõ hơn về bối cảnh triển khai các phương tiện đánh giá trong Đề cương môn học GDTC3-BC1, nghiên cứu đã khảo sát ý kiến của 30 GV GDTC có kinh nghiệm. Kết quả thu được như sau: Có sự chênh lệch rõ rệt giữa nhận thức về tầm quan trọng và thực tiễn áp dụng các phương tiện đánh giá trong môn BC1. Các GV đều đánh

giá cao tầm quan trọng của cả đánh giá quá trình (mục 1, 2) và đánh giá tổng kết (mục 3, 4). Tuy nhiên, mức độ áp dụng trên thực tế lại nghiêng hẳn về các hình thức đánh giá tổng kết, đặc biệt là bài kiểm tra tổng hợp cuối kỳ ($=4.8\pm0.4$). Các phương tiện đánh giá quá trình như kiểm tra kỹ thuật di chuyển ngang và chuyển bóng thấp tay dù được đánh giá là rất quan trọng và phù hợp với SV, nhưng mức độ áp dụng chỉ đạt mức trung bình (từ $3.0\pm0.8\rightarrow3.2\pm0.9$). Điều này cho thấy, mặc dù đề cương môn học đã có những định hướng tích cực về đánh giá quá trình, nhưng trên thực tế, GV vẫn gặp khó khăn trong việc triển khai thường xuyên, có thể do áp lực thời gian, số lượng SV lớn hoặc thiếu các công cụ hỗ trợ đánh giá hiệu quả.

Đặc biệt, việc đánh giá thái độ, ý thức và tinh thần tự giác của SV ($\text{áp dụng}=2.5\pm1.0$) còn rất hạn chế, dù GV nhận thấy tầm quan trọng của nó ($\text{quan trọng}=3.8\pm0.9$). Điều này đồng nghĩa với việc SV ít được phản hồi về các khía cạnh phi kỹ năng, dẫn đến thiếu động lực cải thiện thái độ học tập, một yếu tố then chốt để duy trì thói quen tập luyện lâu dài. Tóm lại, thực trạng cho thấy tiềm năng chưa được khai thác triệt để của đánh giá quá trình trong việc theo dõi, định hướng và điều chỉnh kịp thời quá trình học tập của SV.

2.3. Hiệu quả của việc tăng cường đánh giá quá trình đối với kỹ năng thực hành và thái độ học tập của SV

Để kiểm chứng giả thuyết về vai trò của đánh giá quá trình, nghiên cứu đã tiến hành thực nghiệm sư phạm trong 10 tuần với NTN và NĐC.

2.3.1. Kết quả kiểm tra kỹ năng thực hành BC

Các test kỹ thuật được tiến hành trước (lần 1-L1) và sau (lần 2-L2) thực nghiệm. Kết quả kiểm tra kỹ năng thực hành BC của NTN và NĐC ($n=40/\text{nhóm}$) cho thấy: Trước thực nghiệm (L1), không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về các chỉ tiêu kỹ thuật giữa NTN và NĐC ($p>0.05$ cho tất cả các test), đảm bảo tính đồng nhất ban đầu của hai nhóm.

Sau 10 tuần thực nghiệm, kết quả cho thấy sự tiến bộ rõ rệt của NTN ở tất cả các kỹ thuật: Kỹ thuật chuyển bóng thấp tay ở NTN với $W(\%)=52.0\%$ ($p<0.001$), NĐC $W(\%)=7.7\%$ ($p=0.013$, có ý nghĩa thống kê nhưng rất nhỏ); Kỹ thuật di chuyển ngang 6 mét với NTN giảm đáng kể (10.6% thời gian; $p<0.001$) trong khi NĐC gần như không có sự thay đổi đáng kể ($p=0.142$), sự khác biệt giữa hai nhóm sau thực nghiệm là $p<0.001$; Kỹ thuật đệm bóng vào tường với NTN có $W(\%)=34.8\%$

($p < 0.001$). NĐC tăng nhẹ ($p = 0.066$), sự khác biệt giữa hai nhóm sau thực nghiệm tại $p < 0.001$.

2.3.2. *Đánh giá sự thay đổi thái độ học tập của SV*
Ngoài các chỉ số kỹ năng, nghiên cứu cũng tiến

hành khảo sát mức độ thay đổi thái độ học tập của SV NTN sau 10 tuần thực nghiệm thông qua phiếu tự đánh giá và quan sát của GV. Kết quả thu được như sau:

Bảng. Tỷ lệ (%) thay đổi thái độ học tập của SV NTN sau thực nghiệm ($n = 40$)

Tiêu chí thái độ học tập	Tăng đáng kể	Tăng nhẹ	Không thay đổi	Giảm nhẹ	Giảm đáng kể
1. Tinh thần tự giác	65	25	10	0	0
2. Mức độ hứng thú	60	30	10	0	0
3. Ý thức kỷ luật	70	20	10	0	0
4. Khả năng hợp tác	55	35	10	0	0
5. Mức độ tích cực trong giờ học	65	25	10	0	0

Kết quả cho thấy: việc tăng cường đánh giá quá trình không chỉ tác động tích cực đến kỹ năng mà còn có ảnh hưởng mạnh mẽ đến thái độ học tập của SV. Một tỷ lệ rất cao SV NTN (từ 80→90% tổng số SV) có thái độ học tập đư ợc cải thiện (“Tăng đáng kể” hoặc “Tăng nhẹ”) ở tất cả các tiêu chí. Cụ thể: Tinh thần tự giác (90% tăng), mức độ hứng thú (90% tăng), ý thức kỷ luật (90% tăng), khả năng hợp tác (90% tăng), mức độ tích cực trong giờ học (90% tăng).

Kết quả này khẳng định vai trò k é p của đánh giá quá trình giảng dạy khi nó không chỉ là công cụ đo lường mà còn là yếu tố thúc đẩy động lực nội tại của SV. Việc được công nhận những nỗ lực và tiến bộ nhỏ trong suốt quá trình học tập sẽ tạo ra một môi trường học tập tích cực, bền vững hơn so với việc chỉ tập trung vào đánh giá tổng kết.

III. KẾT LUẬN

Thực trạng công tác KTĐG môn BC1 tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay vẫn còn tồn tại hạn chế trong việc triển khai hiệu quả các phương tiện đánh giá quá trình, dù chúng được đánh giá cao về tầm quan trọng và sự phù hợp. Các hình thức đánh giá tổng kết vẫn chiếm ưu thế, dẫn đến việc bỏ lỡ các cơ hội cung cấp phản hồi kịp thời và thúc đẩy động lực học tập của SV.

Việc áp dụng tăng cường các phương pháp đánh giá quá trình, bao gồm kiểm tra kỹ thuật định kỳ và phản hồi liên tục, đã mang lại hiệu quả vượt trội. Nhóm SV thực nghiệm đã đạt được sự tiến bộ có ý nghĩa thống kê rõ rệt hơn hẳn so với nhóm đối chứng ở tất cả các kỹ thuật cơ bản của BC (chuyền bóng thấp tay, di chuyển ngang 6 mét, đệm bóng vào tường). Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc theo dõi và điều chỉnh kịp thời trong quá trình hình thành kỹ năng vận động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Hữu Báu (2015). *Giáo trình Lý luận và phương pháp GDTC*. NXB TĐTT, Hà Nội.
- Tổng cục Thể dục thể thao (2016). *Giáo trình BC*. NXB TĐTT, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Minh (2020). *Đánh giá trong GDTC*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Black P., Wiliam D. (1998). *Inside the Black Box: Raising Standards Through Classroom Assessment*. Phi Delta Kappan, 80(2), 139-148.
- Trần Văn Nam (2019). *Thực trạng KTĐG môn Bóng đá trong các trường đại học dân sự*. Tạp chí Khoa học Đại học TĐTT TP.HCM.
- Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (2024). *Đề cương môn học GDTC3-BC1*.
- Ryan R.M., Deci E.L (2000). *Self-determination theory and the facilitation of intrinsic motivation, social development, and well-being*. American Psychologist, 55(1), 68-78.

